

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/DS-ST.

Ngày: 24-12-2020.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đoàn Lệ Hồng.

+ Ông Lê Kim Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Thanh T** - Sinh năm: 1975, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim C** - Sinh năm: 1996, địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (hợp đồng ủy quyền ngày 04 tháng 11 năm 2020, chị C có mặt).

- Bị đơn:

+ Bà **Tôn Thị T1** - Sinh năm: 1955 (có mặt),

+ Ông **Lê Hữu H** - Sinh năm: 1952,

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hữu H: Bà **Tôn Thị T1** - Sinh năm: 1955, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (hợp đồng ủy quyền ngày 03 tháng 12 năm 2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2020, bản khai ngày 02 tháng 12 năm 2020, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào năm 2017, ông T và bà T1, ông H có thỏa thuận miệng về việc mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc, theo đó ông T sẽ cung cấp thức ăn chăn nuôi cho bà T1, ông H chăn nuôi heo, khi heo xuất chuồng (bán heo) thì bà T1, ông H phải trả tiền mua thức ăn cho ông T. Mỗi lần bán heo, bà T1, ông H có trả tiền mua thức ăn chăn nuôi nhưng trả không đủ. Sau khi đối chiếu lại, tính đến tháng 5 năm 2020, bà T1, ông H còn thiếu ông T số tiền là 88.607.000đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng). Nay ông T yêu cầu bà T1 và ông H liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 88.607.000đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra ông T không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 11 năm 2020 và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn là bà Tôn Thị T1 trình bày: Năm 2017 bà và ông H có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo do ông T trực tiếp bán, nội dung thỏa thuận giữa hai bên như ông T đã trình bày. Mỗi lần bán heo thì bà có trả tiền thức ăn cho ông T nhưng không trả hết được tiền đã mua thức ăn chăn nuôi heo vì không bán heo hết một lần được. Tính đến tháng 5 năm 2020 thì bà còn thiếu ông T số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo là 88.607.000đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng). Bà T1 đồng ý cùng ông H trả số tiền là 88.607.000đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng) cho ông T nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng với mức là 1.000.000đồng/tháng vì hoàn cảnh gia đình của bà có nhiều khó khăn, việc chăn nuôi bị thua lỗ.

Bị đơn là ông Lê Hữu H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của ông về các vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày như đã nêu trên, đồng thời yêu cầu bà T1, ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền là 88.607.000đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra ông T không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là bà Tôn Thị T1 đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Hữu H đồng ý với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đồng ý cùng với ông H liên đới trả số tiền là 88.607.000đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng) cho ông T nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng với mức là 1.000.000đồng/tháng vì hoàn cảnh gia đình của bà có nhiều khó khăn, việc chăn nuôi bị thua lỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Trần Thanh T có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản đối với bị đơn là bà Tôn Thị T1, ông Lê Hữu H có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là ông Lê Hữu H được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt trong các phiên hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại điều 205, 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Lời trình bày của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc mua bán thức ăn chăn nuôi heo và số tiền bà T1, ông H còn nợ đã được bà T1 thừa nhận và phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định được: Hiện nay bà T1, ông H còn nợ ông T số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo là 88.607.000đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng) nên bà T1, ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền này.

[4] Bà T1 yêu cầu được trả nợ theo phương thức là trả hàng tháng với mức là 1.000.000đồng/tháng nhưng ông T không đồng ý, trong khi đó khoản nợ nêu trên đã đến hạn trả và bà T1, ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy giữa hai bên có thỏa thuận là ông, bà được trả nợ dần hàng tháng với mức 1.000.000đồng/tháng hay được trả nhiều lần nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà T1.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T1, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của các khoản tiền phải trả cho ông T nhưng bà T1, ông H là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên bà T1, ông H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T. Cụ thể:

1/ Buộc bà Tôn Thị T1 và ông Lê Hữu H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Thanh T số nợ gốc là 88.607.000đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng). Ghi nhận việc ông Trần Thanh T không yêu cầu bà Tôn Thị T1, ông Lê Hữu H trả tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho ông Trần Thanh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 2.215.000đồng (hai triệu hai trăm mười lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003038 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.2) Bà Tôn Thị T1, ông Lê Hữu H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên